

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công bố bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 110/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

Căn cứ Thông tư số 04/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm trong các Công ty nhà nước theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng Đắk Lắk tại Tờ trình số 1308/TTr-SXD, ngày 10/11/2009,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

##### **Điều 1.**

1. Công bố Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Quy định các hệ số để tính phụ cấp khu vực đối với đơn giá nhân công trong bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải như sau:

- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,1 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0356;

- Nơi có phụ cấp khu vực là 0,2 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0687.

3. Quy định các hệ số để tính phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với đơn giá nhân công trong bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải như sau:

- Nơi có phụ cấp độc hại, nguy hiểm là 0,1 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0356;

- Nơi có phụ cấp độc hại, nguy hiểm là 0,2 thì đơn giá nhân công được nhân với hệ số: 1,0687.

## **Điều 2.**

Công bố Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để tham khảo trong việc xác định giá dự toán và thanh quyết toán công tác duy trì hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; để tổ chức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch cho các đơn vị thực hiện công tác duy trì hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

## **Điều 3.**

Đối với khối lượng dịch vụ: quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa được thanh quyết toán; Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và đơn vị thực hiện dịch vụ công ích đô thị phải kiểm kê khối lượng, lập lại dự toán theo quy định của Quyết định này. Nếu giá trị dự toán lập lại thấp hơn Tổng dự toán được duyệt thì không cần phải điều chỉnh mà làm căn cứ để thực hiện công tác thanh quyết toán khối lượng hoàn thành. Trường hợp nếu vượt dự toán được duyệt, thì phải thẩm định và phê duyệt lại dự toán theo quy định hiện hành

## **Điều 4.**

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 14/12/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc các Sở, Ngành; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c)
- Bộ Xây dựng (B/c);
- TT Tỉnh ủy (B/c); TT HĐND tỉnh (B/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (B/c);
- Vụ pháp chế - Bộ XD;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo tỉnh; TT Tin học;
- Website của tỉnh;
- Sở Tư pháp; Báo Đắk Lắk;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Lưu VT, CN, NL, TH, TM, VX, NC (CH.400),
- (Đơn giá DVCI 2009).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Lữ Ngọc Cư**

**BỘ ĐƠN GIÁ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MATHUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2009/QĐ-UBND  
Ngày 18 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

**PHẦN I**

**THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG**

**I. NỘI DUNG ĐƠN GIÁ:**

Đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột là chi phí cần thiết về vật liệu, công cụ lao động, nhân công, máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng đối với các công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải đô thị:

**1- Đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải bao gồm các chi phí sau:**

**a. Chi phí vật liệu:**

Là chi phí giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải. Chi phí vật liệu quy định trong đơn giá này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

- Giá vật tư, vật liệu trong đơn giá chưa bao gồm khoản thuế giá trị gia tăng

Trong quá trình thực hiện đơn giá nếu giá vật liệu thực tế (Mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng) chênh lệch so với giá vật liệu để để tính đơn giá thì được bù trừ chênh lệch. Các đơn vị căn cứ vào mức giá vật liệu thực tế (Mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng) tại từng khu vực, ở từng thời điểm do cơ quan quản lý giá xây dựng công bố và số lượng vật liệu đã sử dụng theo định mức để tính ra chi phí vật liệu thực tế, sau đó so sánh với chi phí vật liệu theo đơn giá để xác định mức bù trừ chênh lệch chi phí vật liệu và đưa trực tiếp vào chi phí vật liệu trong dự toán.

**b. Chi phí nhân công:**

- Chi phí nhân công trong đơn giá chỉ bao gồm tiền lương cơ bản được xác định theo bảng lương A.1(công trình đô thị) ban hành theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004; Nghị định số 110/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động (mức lương tối thiểu là 690.000 đồng/tháng).

- Các khoản phụ cấp gồm: phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm được xác định theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Chi phí nhân công trong đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải được tính cho loại công tác nhóm I. Đối với các loại công tác khác thuộc các nhóm khác của bảng lương A.1 thì được chuyển đổi theo hệ số sau:

Thuộc nhóm II: bằng 1,063 so với tiền lương trong đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải.

Thuộc nhóm III: bằng 1,145 so với tiền lương trong đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải.

**c. Chi phí máy thi công:**

Là chi phí sử dụng máy trực tiếp sử dụng để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải.

**2. Đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải được xác định trên cơ sở:**

- Định mức dự toán công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

- Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị.

- Bảng lương A.1 (công nhân công trình đô thị) ban hành theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp trong các Công ty Nhà nước.

- Nghị định số 110/2008/NĐ-CP ngày 10/10/2008 của Chính phủ về quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động (690.000 đồng/tháng).

**II - KẾT CẤU TẬP ĐƠN GIÁ:**

Tập đơn giá được phân theo nhóm, loại công tác được mã hoá thống nhất theo quy định trong tập Định mức số 35/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tập đơn giá bao gồm 02 phần:

**PHẦN I** : Thuyết minh và quy định áp dụng.

**PHẦN II**: Đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải

- Chương I: Quản lý, vận hành mạng lưới thoát nước thải (bao gồm: Công tác kiểm tra, vệ sinh hệ thống tuyến ống, giếng thăm, giếng kiểm tra, giếng chuyển hướng, hộc nổi)  
Từ TNT1.01.00 đến TNT1.08.00
- Chương II: Quản lý, vận hành trạm bơm áp lực C2A  
Từ TNT2.01.00 đến TNT2.05.00
- Chương III: Quản lý, vận hành nhà máy xử lý nước thải  
Từ TNT3.01.00 đến TNT3.09.00

Chương IV: Quản lý, vận hành trạm bơm tái sử dụng nước thải

Từ TNT4.01.00 đến TNT4.05.00

Chương V: Quản lý, vận hành các bể chứa nước và hệ thống tuyến ống tái sử dụng nước thải.

Từ TNT5.01.00 đến TNT5.03.00

Chương VI: Công tác vệ sinh hồ thu nước, hồ ga.

Từ TNT6.01.00 đến TNT6.02.00

### III. HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI:

Thực hiện theo nội dung hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị.

### IV. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG:

- Tập đơn giá công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải là căn cứ để xác định giá dự toán dịch vụ duy trì hệ thống thoát nước thải để ký kết hợp đồng và thanh quyết toán chi phí theo khối lượng dịch vụ công ích đô thị thực tế hoàn thành trong trường hợp đặt hàng thực hiện các dịch vụ và là căn cứ để tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện các dịch vụ công ích đô thị.

- Đối với những đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải mà yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công khác với quy định trong tập đơn giá này thì các đơn vị căn cứ vào phương pháp xây dựng định mức dự toán do Bộ Xây dựng hướng dẫn để xây dựng định mức và lập đơn giá trình cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng.

Trong quá trình sử dụng tập đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải nếu gặp vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu giải quyết./.

## **PHẦN II**

### **ĐƠN GIÁ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI**

- Chương I: Quản lý, vận hành mạng lưới thoát nước thải (bao gồm: Công tác kiểm tra, vệ sinh hệ thống tuyến ống, giếng thăm, giếng kiểm tra, giếng chuyển hướng, hộp nối)  
Từ TNT1.01.00 đến TNT1.08.00
- Chương II: Quản lý, vận hành trạm bơm áp lực C2A  
Từ TNT2.01.00 đến TNT2.05.00
- Chương III: Quản lý, vận hành nhà máy xử lý nước thải  
Từ TNT3.01.00 đến TNT3.09.00
- Chương IV: Quản lý, vận hành trạm bơm tái sử dụng nước thải  
Từ TNT4.01.00 đến TNT4.05.00
- Chương V: Quản lý, vận hành các bể chứa nước và hệ thống tuyến ống tái sử dụng nước thải.  
Từ TNT5.01.00 đến TNT5.03.00
- Chương VI: Công tác vệ sinh hồ thu nước, hồ ga.  
Từ TNT6.01.00 đến TNT6.02.00

# CHƯƠNG I

## QUẢN LÝ VẬN HÀNH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI

### I/ KIỂM TRA MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI

#### TNT1.01 KIỂM TRA ĐƯỜNG ỐNG BẰNG MÁY GHI HÌNH

*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị xe (đổ nhiên liệu, đổ nước vào bồn, kiểm tra xe, máy phát điện, robot và thiết bị ghi hình).
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Mở nắp giếng thăm đầu trên và đầu dưới - chờ khí độc bay đi.
- Dùng vòi phun nước vệ sinh lòng giếng và đáy giếng.
- Lắp đặt phao, bơm căng phao để bịt nước chảy xuống từ đường ống phía trên
- Đưa thiết bị kiểm tra (Robot) xuống đáy giếng và điều khiển đi vào bên trong ống.
- Theo dõi lòng cống trên màn hình và ghi lại số liệu, dữ liệu chi tiết của quá trình kiểm tra vào sổ.
- Sau khi kiểm tra xong đoạn ống, điều khiển robot ra khỏi ống và đưa robot lên.
- Tiến hành phun nước xối rửa đường dây và thiết bị kiểm tra (robot).
- Tháo dỡ phao và đưa thiết bị kiểm tra (robot) lên.
- Đậy nắp giếng thăm lại, vệ sinh công trường.
- Thu dọn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định, tháo dỡ rào chắn.
- Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

*Đơn vị tính: đồng/ 50 m đường ống*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.010	Kiểm tra tuyến ống thoát nước thải bằng máy ghi hình:				
TNT1.011	Đường kính tuyến ống 150 ÷ 300mm	50 mét		8.121	59.452
TNT1.012	Đường kính tuyến ống 400 ÷ 700mm	50 mét		8.324	95.783

## TNT1.02 KIỂM TRA GIẾNG THĂM, GIẾNG KIỂM TRA BẰNG THỦ CÔNG

### Thành phần công việc:

- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Mở nắp giếng thăm - giếng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- Dùng chổi xương vệ sinh bên trong giếng cho sạch sẽ.
- Xuống lòng giếng để kiểm tra và đánh giá tình trạng giếng thăm - giếng kiểm tra theo chỉ định bằng mắt thường, như sau:
  - Tình trạng giếng thăm: nắp, thân, thành, đáy giếng.
  - Mức độ tích đọng chất cặn lắng, bùn, rác.
- Ghi dữ liệu, số liệu đã kiểm tra và lập báo cáo đầy đủ theo mẫu lệnh công việc.
- Kiểm tra xong đậy nắp giếng thăm, vệ sinh công trường.
- Tháo dỡ rào chắn thu dọn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

*Đơn vị tính: đồng/1giếng*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT1.02	Kiểm tra giếng thăm, giếng kiểm tra bằng thủ công	1 giếng		1.759	



## TNT1.03 KIỂM TRA GIẾNG CHUYỂN HƯỚNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦ CÔNG

### Thành phần công việc:

- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp giếng chuyển hướng và xung quanh giếng với bán kính 1 mét.
- Mở nắp giếng chuyển hướng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- Kiểm tra và đánh giá tình trạng nắp, thân và đáy giếng
- Ghi đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.
- Đậy nắp giếng chuyển hướng.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

*Đơn vị tính: đồng/1giếng*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.03	Kiểm tra giếng chuyển hướng bằng thủ công	1 giếng		4.805	

## TNT1.04 KIỂM TRA HỘP NỔI BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦ CÔNG

### Thành phần công việc:

- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp hộp nổi và xung quanh giếng với bán kính 1 mét.
- Mở nắp hộp nổi, chờ khí độc bay đi.
- Kiểm tra và đánh giá tình trạng nắp, thân và đáy giếng.
- Ghi đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.
- Đậy nắp hộp nổi.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

*Đơn vị tính: đồng/1hộp*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.04	Kiểm tra hộp nổi bằng phương pháp thủ công	1 hộp		4.805	

## II/VỆ SINH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI BẰNG THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG

### TNT1.05 VỆ SINH GIẾNG THĂM, GIẾNG KIỂM TRA BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG

#### Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe)
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp giếng thăm - giếng kiểm tra.
- Mở nắp giếng thăm - giếng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- Trèo xuống giếng và dùng phao bịt một (01) đầu ống.
- Dùng vòi phun áp lực phun nước vào bên trong thành và đáy giếng để xúc rửa, vệ sinh cho đến khi sạch sẽ.
- Dùng xe hút chân không hút hết rác, đất, cặn lắng bên trong đáy giếng.
- Trèo xuống giếng tháo phao bịt đầu ống và đậy nắp giếng.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.

*Đơn vị tính: đồng/1giếng*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT1.05	Kiểm tra giếng thăm, giếng kiểm tra bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	1 giếng	727	9.474	178.040

### TNT1.06 VỆ SINH GIẾNG CHUYÊN HƯỚNG BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG

#### Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp giếng chuyên hướng.
- Mở nắp giếng chuyên hướng, chờ khí độc bay đi.
- Trèo xuống giếng và dùng phao bịt một (01) đầu ống.
- Dùng vòi phun áp lực phun nước vào bên trong thành và đáy giếng để xúc rửa, vệ sinh cho đến khi sạch sẽ.

- Dùng xe hút chân không hút hết rác, đất, cặn lắng bên trong đáy giếng.
- Trèo xuống giếng tháo phao bịt đầu ống và đậy nắp giếng.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc

*Đơn vị tính: đồng/1giếng*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT1.06	Vệ sinh giếng chuyên hướng bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không.	1 giếng	1.090	5.278	125.921

#### TNT1.07 VỆ SINH GIẾNG HỘP NỐI BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG

*Thành phần công việc:*

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp giếng thăm.
- Mở nắp giếng hộp nối, chờ khí độc bay đi.
- Trèo xuống giếng và dùng phao bịt một (01) đầu ống.
- Dùng vòi phun áp lực phun nước vào bên trong thành và đáy giếng để xúc rửa, vệ sinh cho đến khi sạch sẽ.
- Dùng xe hút chân không hút hết rác, đất, cặn lắng bên trong đáy giếng.
- Trèo xuống giếng tháo phao bịt đầu ống và đậy nắp giếng.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.

*Đơn vị tính: đồng/1hộp*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT1.07	Vệ sinh giếng hộp nối bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không.	1 hộp	727	4.737	121.588

## TNT1.08 VỆ SINH TUYẾN ỐNG BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ HÚT CHÂN KHÔNG

### Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Mở nắp giếng thăm, giếng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- Trèo xuống giếng và dùng phao bịt một (01) đầu ống.
- Đưa vòi phun nước áp lực phun vào bên trong đường ống để đẩy toàn bộ cặn lắng ra ngoài giếng thăm, giếng kiểm tra.
- Dùng thiết bị hút của xe hút chân không để hút toàn bộ phần cặn lắng trong giếng thăm, giếng kiểm tra vào bồn chứa của xe và vận chuyển đến nhà máy xử lý chất thải phần nước trong bồn, còn lại phần cặn lắng, đất, đá phải vận chuyển đến bãi chôn lấp chất thải rắn để xử lý.
- Tháo phao bịt đầu ống và đập lại nắp giếng thăm - giếng kiểm tra.
- Vệ sinh công trường, tháo dỡ rào chắn, thu dọn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.

*Đơn vị tính: đồng/50 m đường ống*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT1.080	Vệ sinh tuyến đường ống bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không:				
TNT1.081	Đường kính tuyến ống 150 ÷ 300mm	50 mét	9.083	8.121	356.079
TNT1.082	Đường kính tuyến ống 400 ÷ 700mm	50 mét	15.198	8.121	356.079

## CHƯƠNG II

### QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM C2A

#### TNT 2.01 XẢ TRÀN KHẨN CẤP (TRƯỜNG HỢP ĐỘT XUẤT)

Thành phần công việc:

- Theo dõi mực nước trong ngăn chứa nước thải, trong ống xả tràn và mực nước suối phải bảo đảm đủ điều kiện xả tràn khẩn cấp.
- Mở nắp hồ xả tràn.
- Dùng dụng cụ chuyên dùng mở van xả tràn, điều khiển nước thải thoát khỏi trạm bơm và xả trực tiếp ra suối.
- Trong trường hợp khẩn cấp cần thông báo để được hỗ trợ kịp thời

*Đơn vị tính: đồng/1 lần thực hiện*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.01	Xả tràn khẩn cấp	1 lần thực hiện		9.474	

#### TNT2.02 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO (30 PHÚT VỚT RÁC 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- Dùng cào và vớt vớt rác bám dính mặt trước lưới chắn rác (lưới lọc của hồ van) đầu vào.
- Các loại rác lấy ra từ lưới chắn rác (lưới lọc) và bầy cát phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực trạm bơm.
- Vệ sinh hồ van và lưới chắn rác bằng vòi nước sạch.
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

*Đơn vị tính: đồng/1 lần thực hiện*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.02	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào	1 lần thực hiện		541	

#### TNT2.03 VỆ SINH HÀM BƠM: (30 PHÚT VỚT RÁC 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- Dùng cào và vớt vớt rác bên trong hàm bơm.
- Đổ rác vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực trạm bơm.
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.03	Vệ sinh hầm bơm	1 lần thực hiện		744	

#### TNT2.04 VỆ SINH BƠM CHÌM, ĐÁY HẦM BƠM (THỰC HIỆN 01 TUẦN/ LẦN)

Thành phần công việc:

- Dùng 4 máy bơm chìm bơm cạn 1 phần hầm bơm( điều khiển thủ công).
- Dùng bàn chải, miếng cước lau chùi toàn bộ các bơm chìm và hệ thống phao bơm.
- Dùng cước cào gom đất, cát, bùn tích tụ dưới đáy hầm bơm lại một góc.
- Dùng nước sạch và chổi làm vệ sinh lại bơm chìm, tường, và đáy hầm bơm.
- Sử dụng xe hút chân không hút hết đất, cát, rác còn lại.
- Vận chuyển bùn - nước - rác đến Nhà máy xử lý nước thải và xả bùn vào đúng vị trí tại Nhà máy XLNT.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.04	Vệ sinh bơm chìm, đáy hầm bơm	1 lần thực hiện		40.604	327.300

#### TNT2.05 VẬN HÀNH HỆ THỐNG BƠM CHÌM

Thành phần công việc:

- Kiểm soát lưu lượng nước thải từ các tuyến ống thoát thải đưa về trạm bơm, kiểm tra thể tích nước chứa trong hầm bơm.
- Thiết lập chế độ hoạt động của các máy bơm (tự động hoặc thủ công) tại tủ điều khiển.
- Có mặt thường xuyên trong quá trình bơm hoạt động.
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/1000 m<sup>3</sup> nước thải

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.05	Vận hành hệ thống bơm chìm	1000 m <sup>3</sup> nước thải		49.740	

### CHƯƠNG III

#### QUẢN LÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI

##### TNT3.01 ĐO LƯU LƯỢNG (30 PHÚT ĐO 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- Theo dõi lưu lượng nước trong máng đo lưu lượng tại công trình thu.
- Ghi chép số liệu trên thiết bị đo lưu lượng bằng thủ công và tính toán lưu lượng nước thải thực tế qua máng đo lưu lượng.
- Làm vệ sinh thiết bị và máng đo lưu lượng.
- Lập bảng báo cáo và lưu trữ số liệu đo lưu lượng.

*Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.01	Đo lưu lượng nước thải qua máng đo lưu lượng	1 lần thực hiện		338	

##### TNT3.02 XẢ CẶN TẠI CÔNG TRÌNH THU (2 TIẾNG XẢ 1 LẦN; 12 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- Kiểm tra mực nước trước van xả cặn.
- Dùng dụng cụ chuyên dùng mở van xả cặn, điều khiển nước thải thoát trực tiếp ra giếng xả cặn.
- Quan sát áp lực nước trong ống xả cặn đủ mạnh và bảo đảm cặn lắng đọng đã được ra giếng xả cặn, đóng van xả cặn.
- Vớt rác trong giếng đổ vào thùng đặt nơi qui định, vệ sinh thành giếng.

*Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.02	Xả cặn tại công trình thu	1 lần thực hiện		3.045	

##### TNT3.03 HÚT ĐẤT, CÁT, LÀM VỆ SINH HỒ XẢ CẶN TẠI CÔNG TRÌNH THU (HÚT, VỆ SINH 01 LẦN/NGÀY)

Thành phần công việc:

- Bật máy bơm chìm bơm nước trong hồ xả cặn lên đường ống thoát nước thải.
- Dùng xe hút chân không hút hết bùn, cát, rác tích tụ dưới đáy hồ.

- Dùng nước sạch phun rửa hồ xả cặn; trèo xuống đáy hồ, dùng dụng cụ thủ công cạy hết rác bịt ở ống chắn rác của máy bơm chìm trong hồ xả cặn.
- Xả nước từ xe hút chân không ra hầm tự hoại.

*Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.03	Hút, vệ sinh hồ xả cặn tại công trình thu	1 lần thực hiện		17.189	99.654

#### TNT3.04 VỆ SINH THÁC LÀM THOÁNG (THÁC TẠO KHÍ, VỆ SINH 01 LẦN/TUẦN)

Thành phần công việc:

- Dùng cào và vớt vớt rác bám dính trong các bậc thác và đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực thác làm thoáng.
- Dùng vòi phun nước thổi tan bọt khí tích đọng trong thác làm thoáng.
- Làm vệ sinh các bậc thác và xung quanh thác làm thoáng.

*Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện/1 thác*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.04	Vệ sinh thác làm thoáng	1 lần thực hiện/1 thác		58.672	

#### TNT3.05 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO (30 PHÚT VỚT 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- Dùng cào và vớt vớt rác bám dính mặt trước lưới chắn rác (lưới lọc của hồ van) đầu vào.
- Các loại rác lấy ra từ lưới chắn rác (lưới lọc) và bẫy cát phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực Nhà máy XLNT.

*Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.05	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào	1 lần thực hiện		406	



### TNT3.06 VỆ SINH HỒ PHÂN CHIA LƯU LƯỢNG, HỒ THU HẦM TỰ HOẠI (THỰC HIỆN 04 LẦN/NGÀY)

Thành phần công việc:

- Dùng chổi quét rong rêu, dùng máy phun rửa các thành của hồ phân chia lưu lượng.
- Phun nước, quét dọn đất, cát, rác khu vực xung quanh hồ thu hầm tự hoại.
- Dùng cào và xẻng xúc hết đất, cát, đá trong hồ thu hầm tự hoại do xe tiếp nhận chất thải từ hầm tự hoại đưa về.
- Các loại rác, cát, đá lấy ra từ hồ thu hầm tự hoại phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực của nhà máy XLNT.

*Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT3.06	Vệ sinh hồ phân chia lưu lượng, hồ thu hầm tự hoại	1 lần thực hiện		4.331	

**TNT3.07 VỆ SINH CÁC GIẾNG KIỂM TRA PHÍA TRÊN VÀ TRƯỚC CÔNG TRÌNH THU (THỰC HIỆN 01 LẦN/TUẦN)**

Thành phần công việc:

- Mở nắp gang của các giếng kiểm tra, chờ 5 - 10 phút cho khí độc bay hết.
- Dùng cào và vớt vớt hết rác nổi ở trong các giếng kiểm tra.
- Các loại rác lấy ra từ giếng kiểm tra phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực nhà xử lý nước thải.

*Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT3.07	Vệ sinh giếng kiểm tra bằng thủ công	1 lần thực hiện		7.647	

**TNT3.08 VỚT RÁC TÍCH ĐỌNG TRÊN MẶT HỒ KỶ KHÍ (3 THÁNG/1 LẦN), HỒ SINH HỌC (1 THÁNG/1 LẦN) VÀ HỒ LÀM THOÁNG(1 THÁNG/1 LẦN)**

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc.
- Đứng trên thuyền dùng vớt vớt rác tích đọng trên mặt hồ.
- Đổ rác lên phương tiện vận chuyển và chuyển đến địa điểm tập kết.
- Vệ sinh và thu dọn hiện trường về kho bãi...

*Đơn vị tính: đồng/1.000 m<sup>2</sup>*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT3.080	Vớt rác tích đọng trên mặt hồ:				
TNT3.081	Hồ kỹ khí	1000 m <sup>2</sup>		109.969	
TNT3.082	Hồ sinh học	1000 m <sup>2</sup>		65.981	
TNT3.083	Hồ làm thoáng	1000 m <sup>2</sup>		55.018	

**TNT3.09 BẢO VỆ BÊN TRONG NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Thành phần công việc:

- Kiểm tra, bảo vệ vật tư tài sản bên trong nhà máy xử lý nước thải theo đúng nội quy định tại xí nghiệp thoát nước Thành phố Buôn Ma Thuột.

*Đơn vị tính: đồng/1 ha/24giờ ngày đêm*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT3.09	Bảo vệ bên trong khu vực nhà máy XLNT	1 ha/24 giờ ngày đêm		73.087	

**CHƯƠNG IV**  
**QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM**  
**TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI**

**TNT4.01 LẮP ĐẶT TẮM CHẮN (TẮM PHAI BẰNG GỖ) NGĂN DÒNG NƯỚC DÒNG SUỐI**

*Thành phần công việc:*

- Vận chuyển bằng thủ công các tấm chắn bằng gỗ từ kho đến vị trí lắp đặt.
- Lắp đặt các tấm chắn theo đúng trình tự (14 tấm chắn).

*Đơn vị tính: đồng/1 lần*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT4.01	Lắp đặt tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn nước dòng suối	1 lần		5.008	

\* Chỉ áp dụng trong mùa khô và khi có nhu cầu tưới tiêu.

**TNT4.02 THÁO DỠ TẮM CHẮN (TẮM PHAI BẰNG GỖ) NGĂN DÒNG NƯỚC DÒNG SUỐI**

*Thành phần công việc:*

- Tháo dỡ các tấm chắn theo đúng trình tự ( 14 tấm chắn).
- Làm vệ sinh các tấm chắn cho sạch và để khô.
- Vận chuyển bằng thủ công các tấm chắn bằng gỗ đến kho lưu giữ và xếp đúng vị trí

*Đơn vị tính: đồng/1 lần*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT4.02	Tháo dỡ tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn nước dòng suối	1 lần		16.851	

### TNT4.03 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO, VỚT RÁC HẦM BƠM (30 PHÚT VỚT 1 LẦN)

Thành phần công việc:

- Dùng cào và vớt vớt rác bám dính mặt trước lưới chắn rác (lưới lọc của hố van) đầu vào.
- Dùng vớt vớt hết rác nổi trong hầm bơm.
- Các loại rác lấy ra từ lưới chắn rác (lưới lọc) và hầm bơm phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực trạm bơm.

*Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.03	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào, vớt rác hầm bơm	1 lần thực hiện		1.353	

### TNT4.04 VỆ SINH HẦM BƠM (THỰC HIỆN 01 LẦN/ TUẦN)

Thành phần công việc:

- Dùng 01 máy bơm chìm điều khiển bằng thủ công, bơm cạn 1 phần
- Dùng bàn chải, miếng cước lau chùi toàn bộ các bơm chìm và hệ thống phao bơm.
- Sử dụng xe hút chân không hút hết đất, cát, rác dưới đáy hầm bơm.
- Dùng nước sạch và chổi làm vệ sinh lại bơm chìm, tường, và đáy hầm bơm.
- Sử dụng xe hút hết đất, cát, rác còn lại.
- Vận chuyển bùn - nước - rác đến Nhà máy xử lý nước thải và xả bùn vào đúng vị trí tại Nhà máy XLNT.

*Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện*

Mã hiệu đơn giá	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.04	Vệ sinh hầm bơm	1 lần thực hiện		29.979	487.431

## TNT4.05 VẬN HÀNH HỆ THỐNG BƠM TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

### Thành phần công việc:

- Kiểm soát lưu lượng nước trong hầm bơm trước khi khởi động hệ thống bơm.
- Thiết lập chế độ hoạt động của 03 máy bơm (tự động hoặc thủ công) tại tủ điều khiển. Điều khiển và khởi động máy bơm.
- Có mặt thường xuyên trong quá trình bơm hoạt động.
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

*Đơn vị tính: đồng/1 máy bơm/ ngày*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT4.05	Vận hành hệ thống bơm tái sử dụng nước thải	1 lần thực hiện		16.918	

**CHƯƠNG V**  
**QUẢN LÝ VẬN HÀNH CÁC BỂ CHỨA NƯỚC VÀ HỆ THỐNG TUYẾN**  
**ỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI**

**TNT5.01 VẬN HÀNH CÁC BỂ CHỨA NƯỚC TÁI SỬ DỤNG**

Thành phần công việc:

- Theo dõi, kiểm soát lưu lượng nước trong các bể chứa, kiểm tra vật tư tài sản trong khu vực bể.
- Vớt rác nổi tích đọng trong bể.
- Vệ sinh chùi rửa các cửa van, vách tường khu vực van xả nước.
- Thực hiện việc đóng mở van xả nước tại bể chứa khi người dân có nhu cầu đăng ký tưới nước phục vụ nông nghiệp.
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

*Đơn vị tính: đồng/1 bể chứa nước thải tái sử dụng*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT5.01	Vận hành các bể chứa nước tái sử dụng	1 bể chứa		11.098	

**TNT5.02 VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐƯỜNG ống TỰ CHẢY**

Thành phần công việc:

- Kiểm tra tình hình vật tư tài sản hệ thống tuyến đường ống tự chảy và các thiết bị khác trên hệ thống.
- Thực hiện việc đóng mở các van xả nước trên các tuyến ống tự chảy khi người dân có nhu cầu đăng ký tưới nước.
- Thay thế, sửa chữa những vị trí van bị hư, rò rỉ nước...
- Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

*Đơn vị tính: đồng/1.000 m đường ống*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT5.02	Vận hành hệ thống đường ống tự chảy	1000 m đường ống		50.281	

## TNT5.03 BẢO VỆ BỂ CHỨA VÀ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TỰ CHẢY

### Thành phần công việc:

- + Kiểm tra, bảo vệ tài sản vật tư trong khu vực bể chứa và vật tư tài sản hệ thống tuyến đường ống tự chảy và các thiết bị khác trên hệ thống.
- + Ghi chép số liệu đã thực hiện.

*Đơn vị tính: đồng/l bể chứa và hệ thống đường ống kèm theo*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT5.03	Bảo vệ bể chứa và hệ thống đường ống tự chảy	1 bể chứa và hệ thống ống kèm theo		67.673	

**CHƯƠNG VI**  
**CÔNG TÁC VỆ SINH HỒ THU NƯỚC, HỒ GA**

**TNT6.01 VỆ SINH MIỆNG HỒ THU NƯỚC, HỒ GA BẰNG THỦ CÔNG TRONG MÙA**

Thành phần công việc:

- Di chuyển đến vị trí hồ thu nước, miệng hồ ga.
- Dùng chổi, cào sắt thu gom rác, đất, đá gọn lại thành đống. Hốt hết rác ở miệng hồ thu nước, hồ ga và bỏ vào bịch nilon.
- Bỏ bịch rác vào thùng container đặt ở hai bên đường.
- Sau khi vệ sinh xong miệng hồ thu nước, hồ ga thì di chuyển đến các vị trí khác theo quy định.

*Đơn vị tính: đồng/ 100 hồ*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT6.01	Vệ sinh miệng hồ thu nước, hồ ga bằng thủ công	100 hồ		274.752	

**TNT6.02 VỆ SINH MIỆNG HỒ THU NƯỚC BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC ( 6 LẦN/1NĂM )**

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị xe (bơm nước đầy bồn chứa, châm dầu nhớt...).
- Đến vị trí chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trình.
- Dùng vòi phun áp lực xịt rửa toàn bộ bề mặt lưới chắn rác.
- Dùng móc sắt, xà beng ngắt cây hết đá, rác thải còn mắc kẹt trên lưới chắn rác.
- Dùng chổi xương quét dọn rác, đất, cát văng xung quanh miệng hồ thu nước và bỏ vào bịch nilon.
- Bỏ bịch rác vào thùng container đặt ở hai bên đường.
- Thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện và di chuyển đến các vị trí khác theo quy định.

*Đơn vị tính: đồng/1hồ*

<b>Mã hiệu đơn giá</b>	<b>Danh mục đơn giá</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Vật liệu</b>	<b>Nhân công</b>	<b>Máy</b>
TNT6.02	Vệ sinh miệng hồ nước bằng xe phun rửa áp lực	1 hồ	727	2.504	103.310



## BẢNG QUY ĐỊNH ĐỂ TÍNH ĐƠN GIÁ

### I. BẢNG QUY ĐỊNH NHÓM CỦA CÔNG NHÂN:

STT	Công trình đô thị	Loại hình công việc
<b>I</b>	<b>Nhóm I:</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Quản lý, bảo dưỡng các công trình cấp nước;</li><li>- Duy tu mương, sông thoát nước;</li><li>- Quản lý công viên;</li><li>- Ghi số đồng hồ và thu tiền nước.</li></ul>
<b>II</b>	<b>Nhóm II:</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Bảo quản phát triển cây xanh;</li><li>- Quản lý vườn thú;</li><li>- Quản lý hệ thống đèn chiếu sáng công cộng;</li><li>- Nạo vét mương, cống thoát nước;</li><li>- Nạo vét cống ngang; thu gom đất; thu gom rác (trừ vớt rác trên kênh và ven kênh);</li><li>- Vận hành hệ thống chuyên dùng cầu nâng rác, đất;</li><li>- Nuôi chim, cá cảnh; ươm trồng cây.</li></ul>
<b>III</b>	<b>Nhóm III:</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nạo vét cống ngầm;</li><li>- Thu gom phân;</li><li>- Nuôi và thuần hóa thú dữ;</li><li>- Xây đặt và sửa chữa cống ngầm;</li><li>- Quét dọn nhà vệ sinh công cộng;</li><li>- San lấp bãi rác;</li><li>- Vớt rác trên kênh và ven kênh;</li><li>- Chế biến phân, rác;</li><li>- Xử lý rác sinh hoạt, xử lý chất thải y tế, chất thải công nghiệp;</li><li>- Công nhân mai táng, điện táng;</li><li>- Chặt hạ cây trong đường phố.</li></ul>

## II/ BẢNG GIÁ NHÂN VÀ CA MÁY:

STT	NHÂN CÔNG, MÁY THI CÔNG	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (Đ)
	<u>NHÂN CÔNG:</u>		
1	Nhân công bậc 3,5/7	công	62.631,00
2	Nhân công bậc 4,0/7	công	67.673,00
3	Nhân công bậc 4,5/7	công	73.777,00
	<u>MÁY THI CÔNG:</u>		
1	Xe chuyên dùng	ca	1.100.956,00
2	Xe phun rửa áp lực 4m <sup>3</sup>	ca	2.582.755,00
3	Xe hút chân không 4m <sup>3</sup>	ca	1.759.677,00
4	Máy bơm nước 27 m <sup>3</sup> /h	ca	120.591,00

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**Lữ Ngọc Cư**

## PHỤ LỤC

PHẦN I: THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG .....	3
I. NỘI DUNG ĐƠN GIÁ:.....	3
II - KẾT CẤU TẬP ĐƠN GIÁ:.....	4
III. HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI:.....	5
PHẦN II: ĐƠN GIÁ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI .....	6
CHƯƠNG I: QUẢN LÝ VẬN HÀNH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI.....	7
I/ KIỂM TRA MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI .....	7
TNT1.02 KIỂM TRA GIẾNG THĂM, GIẾNG KIỂM TRA BẰNG THỦ CÔNG	8
II/VỆ SINH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI BẰNG THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG .....	10
TNT1.05 VỆ SINH GIẾNG THĂM, GIẾNG KIỂM TRA BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG .....	10
TNT1.06 VỆ SINH GIẾNG CHUYÊN HƯỚNG BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG .....	10
TNT1.07 VỆ SINH GIẾNG HỘP NỐI BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG.....	11
TNT1.08 VỆ SINH TUYẾN ỐNG BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ HÚT CHÂN KHÔNG .....	12
CHƯƠNG II.....	13
QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM C2A .....	13
TNT 2.01 XẢ TRẦN KHẨN CẤP (TRƯỜNG HỢP ĐỘT XUẤT).....	13
TNT2.02 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO (30 PHÚT VỐT RÁC 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM).....	13
TNT2.03 VỆ SINH HẦM BƠM: (30 PHÚT VỐT RÁC 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM).....	13
TNT2.04 VỆ SINH BƠM CHÌM, ĐÁY HẦM BƠM (THỰC HIỆN 01 TUẦN/ LẦN) .....	14
TNT2.05 VẬN HÀNH HỆ THỐNG BƠM CHÌM.....	14
CHƯƠNG III .....	15
QUẢN LÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	15
TNT3.01 ĐO LƯU LƯỢNG (30 PHÚT ĐO 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM) ....	15
TNT3.02 XẢ CẶN TẠI CÔNG TRÌNH THU (2 TIẾNG XẢ 1 LẦN; 12 LẦN/NGÀY ĐÊM).....	15
TNT3.03 HÚT ĐẤT, CÁT, LÂM VỆ SINH HỒ XẢ CẶN TẠI CÔNG TRÌNH THU (HÚT, VỆ SINH 01 LẦN/NGÀY).....	15
TNT3.04 VỆ SINH THÁC LÀM THOÁNG (THÁC TẠO KHÍ, VỆ SINH 01 LẦN/TUẦN).....	16
TNT3.05 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO (30 PHÚT VỐT 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM).....	16
TNT3.07 VỆ SINH CÁC GIẾNG KIỂM TRA PHÍA TRÊN VÀ TRƯỚC CÔNG TRÌNH THU (THỰC HIỆN 01 LẦN/TUẦN) .....	18

TNT3.08 VỚT RÁC TÍCH ĐỌNG TRÊN MẶT HỒ KỶ KHÍ (3 THÁNG/1 LẦN), HỒ SINH HỌC (1 THÁNG/1 LẦN) VÀ HỒ LÀM THOÁNG(1 THÁNG/1 LẦN) .....	18
CHƯƠNG IV .....	19
QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM .....	19
TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI .....	19
TNT4.01 LẮP ĐẶT TẮM CHẶN (TẮM PHAI BẰNG GỖ) NGĂN DÒNG NƯỚC DÒNG SUỐI .....	19
TNT4.02 THÁO DỠ TẮM CHẶN (TẮM PHAI BẰNG GỖ) NGĂN DÒNG NƯỚC DÒNG SUỐI .....	19
TNT4.03 VỆ SINH LƯỚI CHẶN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO, VỚT RÁC HẦM BƠM (30 PHÚT VỚT 1 LẦN).....	20
TNT4.04 VỆ SINH HẦM BƠM (THỰC HIỆN 01 LẦN/ TUẦN).....	20
TNT4.05 VẬN HÀNH HỆ THỐNG BƠM TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI .....	21
CHƯƠNG V .....	22
QUẢN LÝ VẬN HÀNH CÁC BỂ CHỨA NƯỚC VÀ HỆ THỐNG TUYẾN ỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI .....	22
TNT5.01 VẬN HÀNH CÁC BỂ CHỨA NƯỚC TÁI SỬ DỤNG .....	22
TNT5.02 VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TỰ CHẢY .....	22
TNT5.03 BẢO VỆ BỂ CHỨA VÀ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TỰ CHẢY .....	23
CHƯƠNG VI .....	24
CÔNG TÁC VỆ SINH HỒ THU NƯỚC, HỒ GA .....	24
TNT6.01 VỆ SINH MIỆNG HỒ THU NƯỚC, HỒ GA BẰNG THỦ CÔNG TRONG MƯA .....	24
TNT6.02 VỆ SINH MIỆNG HỒ THU NƯỚC BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC ( 6 LẦN/1NĂM ) .....	24
I. BẢNG QUY ĐỊNH NHÓM CỦA CÔNG NHÂN: .....	25
II/ BẢNG GIÁ NHÂN VÀ CA MÁY:.....	26